

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1722/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2020

| | |
|-------------------------|------------------|
| VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG | |
| SỐ ĐẾN |3866..... |
| VĂN BẢN | |
| DIỆN TỬ | NGÀY: 03/11/2020 |

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

1. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, gồm: Kết luận, tờ trình, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả kiểm tra, xác minh khi có dấu hiệu vi phạm, đề nghị thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

2. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng:

a) Quyết định, kết luận, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, thông báo, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương về kết quả kiểm tra, xác minh vấn đề chính trị của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Báo cáo, tờ trình, thông báo, quyết định, kết luận, công văn của Trung ương Đảng về quá trình chuẩn bị, đề án, phương án nhân sự Ủy viên Bộ Chính trị là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư chưa công khai.

3. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân:

a) Quyết định, kết luận, báo cáo, kế hoạch, đề án, phương án, tờ trình, công văn của Trung ương Đảng về chiến lược đối ngoại liên quan đến an ninh quốc gia, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; quan hệ đối ngoại của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng về vấn đề biên giới lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo, thêm lục địa của nước ta.

b) Đề án chính trị, báo cáo kết quả hội đàm của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Thường trực Ban Bí thư đi thăm, làm việc với các đảng, các nước và đón các đoàn cấp cao các đảng, các nước vào thăm, làm việc tại Việt Nam có nội dung về quan hệ chính trị đặc biệt với nước ta.

c) Báo cáo, đề án, tờ trình của Ban Đối ngoại Trung ương kiến nghị Trung ương Đảng các chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề đối ngoại và quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng có nội dung liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và biên giới quốc gia.

4. Thông tin về kinh tế - xã hội: Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, công văn của Trung ương Đảng và báo cáo, tờ trình, công văn của cơ quan, tổ chức đảng trình xin ý kiến Trung ương Đảng về kinh phí đặc biệt dành cho quốc phòng, an ninh; chủ trương thu, đổi tiền, phát hành tiền chưa công khai.

5. Thông tin về công tác dân vận: Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận, kế hoạch, báo cáo, chương trình, thông báo, kết luận, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vấn đề dân tộc, lĩnh vực công tác dân tộc liên quan đến lợi ích quốc gia, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia; chủ trương chỉ đạo, biện pháp xử lý đối với các vấn đề phức tạp về tôn giáo cấp nhà nước chưa công khai.

6. Thông tin về quốc phòng, an ninh:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, biên bản, công văn của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư về xử lý các tình huống chiến tranh, phòng thủ đất nước, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

b) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương về hoạt động, phương hướng hoạt động của lực lượng tình báo, kỹ thuật nghiệp vụ trong bảo vệ an ninh quốc gia; xác định các đối tượng, phương án, đối sách đấu tranh, quy trình xử lý tình huống nghiệp vụ đối với các đối tượng, thế lực thù địch trong và ngoài nước có âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm an ninh quốc gia hoặc đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung:

a) Quyết định, kết luận, biên bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến đối ngoại, an ninh quốc gia, điểm nóng về an ninh trật tự, an toàn xã hội; bút tích của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội giải quyết các vụ việc phức tạp về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế chưa công khai.

b) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng về tài sản và kinh phí hoạt động đặc biệt chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng:

a) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Quyết định, kế hoạch, tờ trình, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (trừ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1); các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trung ương.

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng:

a) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, thông báo, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan đảng trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về quá trình chuẩn bị, đề án, phương án, quy hoạch nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp tỉnh quản lý chuẩn bị cho nhiệm kỳ khóa mới chưa công khai.

b) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận, đề án, phương án, kế hoạch, thông báo, công văn và văn bản, ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng, cấp ủy cấp tỉnh về quá trình xem xét bầu cử, ứng cử, điều động, bổ nhiệm, phân công, từ chức, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

c) Báo cáo, bản kiểm điểm, gợi ý kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia.

d) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, các cơ quan đảng Trung ương đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay thuộc diện Trung ương quản lý chưa công khai (trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1).

4. Thông tin về công tác tuyên giáo: Chi thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, công văn của Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương chỉ đạo về chủ trương kiến lập, phát triển, đình chỉ quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước, các đối tác chưa công khai.

b) Kết luận, phương án, đề án, báo cáo, tờ trình, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về đàm phán, hoạch định đường biên giới quốc gia, đấu tranh bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng.

c) Đề án, tờ trình của Ban Đối ngoại Trung ương kiến nghị Trung ương Đảng về hoạt động đối ngoại cụ thể của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đón các đoàn các đảng, các nước vào thăm Việt Nam.

d) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, phương án của Trung ương Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương về đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích quốc gia.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, công văn của Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế trọng điểm của đất nước phục vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa công khai.

7. Thông tin về công tác dân vận: Quyết định, kết luận, thông báo, báo cáo, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Dân vận Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện về chủ trương giải quyết, xử lý đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, quốc phòng, đối ngoại chưa công khai.

8. Thông tin về công tác nội chính: Chỉ thị, kết luận, thông báo, tờ trình, công văn và văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về phương hướng xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận, báo cáo, công văn của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh và đảng ủy quân sự, công an trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh về định hướng chủ trương, chỉ đạo kế hoạch tác chiến, xây dựng các thành phần tham gia thể trận phòng thủ đất nước; tình hình an ninh biên giới, hải đảo và phương án bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia.

b) Nghị quyết, quyết định, kết luận của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương về trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện thiết bị kỹ thuật, các mặt hàng đặc biệt trọng yếu phục vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia.

c) Chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động, đề án, phương án, kế hoạch và văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương về công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 3. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung:

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc trung ương trình xin ý kiến Trung ương Đảng; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý vào dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng chưa công khai.

b) Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; biên bản hội nghị của Trung ương Đảng chưa công khai.

c) Quyết định, kết luận, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai (trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2).

d) Sổ tay công tác, sổ nhật ký công tác, sổ ghi biên bản các cuộc họp, sổ giao ban của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng có nội dung phản ánh tình

hình chính trị, quốc phòng, an ninh và các vấn đề phức tạp về dân tộc, tôn giáo; vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

đ) Tài liệu, tư liệu lưu trữ về lịch sử Đảng, thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo Đảng chưa được thẩm định, xác minh, kết luận; hồ sơ, tài liệu về các vụ việc, vụ án phản cách mạng, vụ án chống Đảng; danh mục tài liệu tại các Lưu trữ lịch sử của Đảng có liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng:

a) Chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ, hằng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chưa công khai.

b) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2) chưa công khai.

c) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy và Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh về kết quả kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xem xét thi hành kỷ luật đảng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện; các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện chưa công khai.

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, đề án, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, công văn của Trung ương Đảng, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện về chủ trương thành lập, giải thể, sáp nhập, nhập chia, điều chỉnh, phân định địa giới hành chính khu vực biên giới, biển đảo và khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh chưa công khai.

b) Nghị quyết, quyết định, kết luận, thông báo, báo cáo, tờ trình, công văn của cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện về quá trình chuẩn bị, đề án, phương án nhân sự; thẩm định, quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, phân công, giới thiệu ứng cử, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện quản lý chưa công khai.

c) Kết luận, thông báo, báo cáo, tờ trình, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan đảng, đảng ủy trực thuộc trung ương về quá trình phong thăng quân hàm đối với cán bộ diện trung ương quản lý trong quân đội, công an chưa công khai.

d) Báo cáo, bản kiểm điểm, gợi ý kiểm điểm của tập thể và cá nhân các đồng chí thuộc diện Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia.

đ) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, công văn của cấp ủy, cơ quan đảng các cấp (trừ cấp cơ sở) đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay thuộc diện cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện quản lý chưa công khai.

4. Thông tin về công tác tuyên giáo:

a) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, công văn của cấp ủy, ban tuyên giáo cấp ủy các cấp về các biện pháp, đối sách đấu tranh âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, “diễn biến hòa bình” chưa công khai.

b) Báo cáo, thông báo, công văn của cấp ủy, ban tuyên giáo cấp ủy các cấp về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân:

a) Kế hoạch, đề án, báo cáo, công văn về hoạt động đối ngoại của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng, đảng ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc trung ương chưa công khai.

b) Báo cáo, kế hoạch, chương trình, đề án, tờ trình, công văn và văn kiện ngoại giao của các đoàn đại biểu cấp cao Đảng ta đi thăm nước ngoài và đón các đoàn đại biểu cấp cao các đảng, các nước, các tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

c) Báo cáo, kế hoạch, đề án, phương án, tờ trình, công văn và văn kiện, thỏa thuận đối ngoại của các cơ quan đảng trực thuộc trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về các cuộc gặp, làm việc với các đảng, các nước, các địa phương nước ngoài có chung biên giới, các tổ chức nước ngoài có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

d) Báo cáo, công văn của Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh nhận xét, đánh giá, kiến nghị về các vấn đề đối ngoại của quốc tế, khu vực và các nước láng giềng; về chủ trương đối ngoại và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa công khai.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, công văn của Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế vùng, khu vực, của tỉnh, thành phố gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

7. Thông tin về công tác dân vận:

a) Báo cáo, thông báo, công văn của các cấp ủy, ban dân vận cấp ủy và các cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; xây dựng các hội đoàn tôn giáo, công tác đối với các dân tộc thiểu số; hoạt động của các đối tượng, tổ chức phản động liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

b) Báo cáo của cấp ủy, ban dân vận cấp ủy các cấp về kết quả làm việc với các tổ chức tôn giáo, chức sắc và lực lượng cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

c) Nghị quyết, quyết định, kết luận, hướng dẫn, tờ trình, báo cáo, công văn của các cấp ủy, cơ quan đảng về đảng viên được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bố trí, tranh thủ trong tôn giáo chưa công khai.

d) Báo cáo, văn bản của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng về lựa chọn, bố trí, tranh thủ lực lượng cốt cán đặc thù, cốt cán phong trào trong tôn giáo.

8. Thông tin về công tác nội chính: Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, thông báo, chương trình, kế hoạch, báo cáo, công văn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương và cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở) về chỉ đạo, định hướng chỉ đạo, theo dõi, nắm tình hình, xử lý các vấn đề, vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, quân sự tại địa phương chưa công khai.

b) Quyết định, kết luận, báo cáo, kế hoạch, hướng dẫn, công văn của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở) về xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại địa phương.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

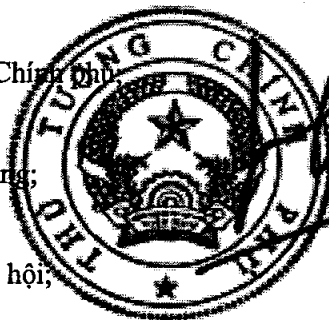
1. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, NC (2).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc